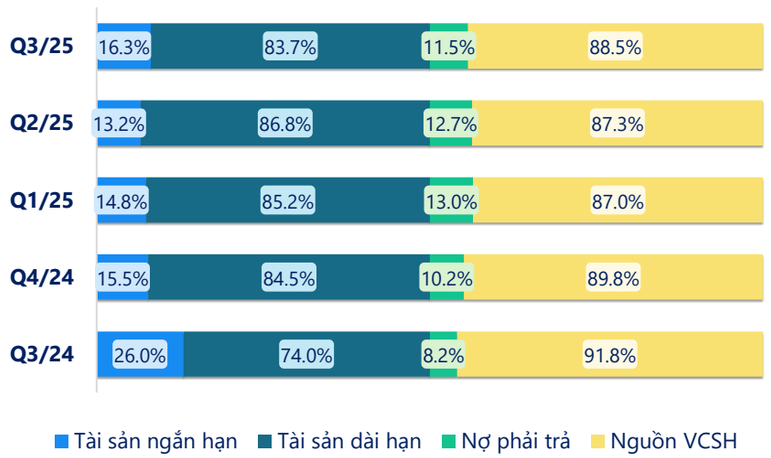
FireAnt

CTCP Thủy điện Thác Bà (HSX: TBC)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	38,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	41,475
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	36,000
SL cổ phiếu LH	63,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,705
% sở hữu nước ngoài	0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,413
P/E	12.4
EPS	3,062

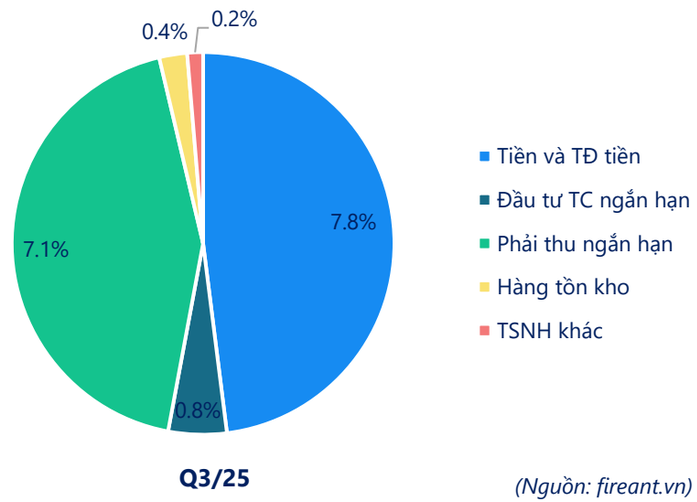
	YTD	1T	3T	6T
TBC	-8.4%	0.9%	0.9%	-1.7%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



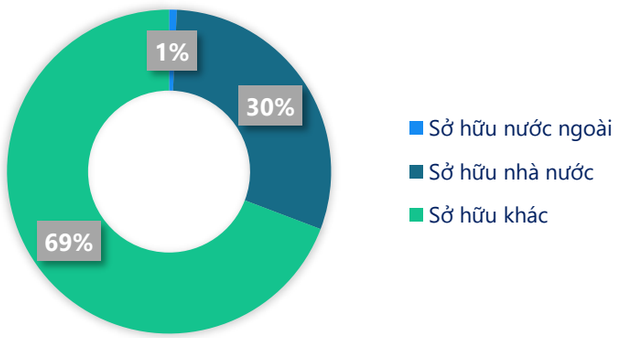
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



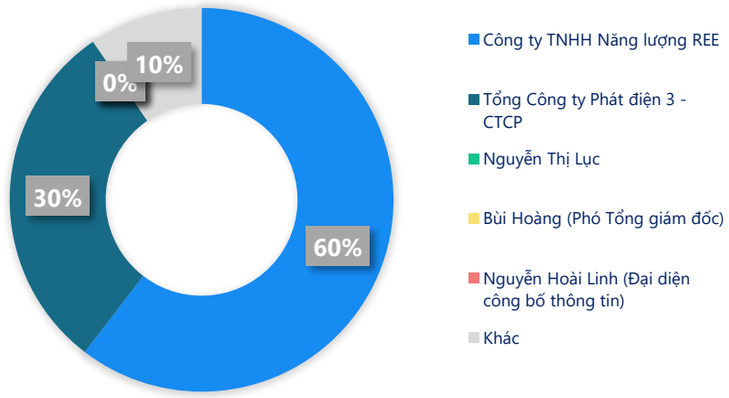
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



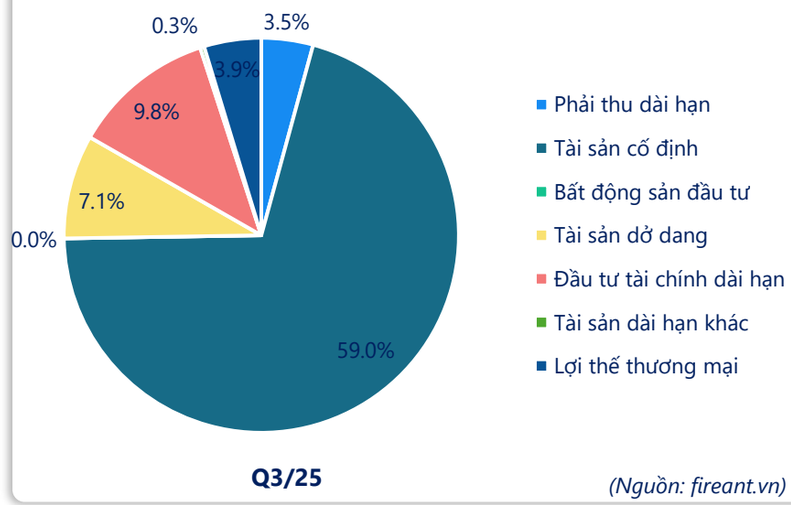
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

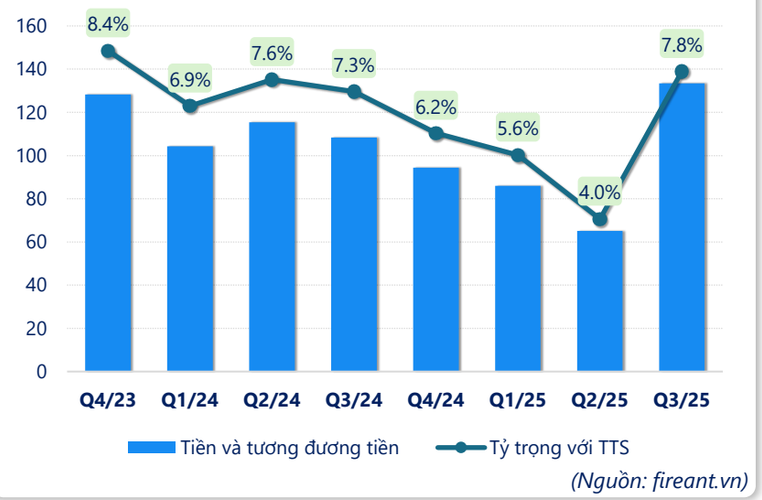


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

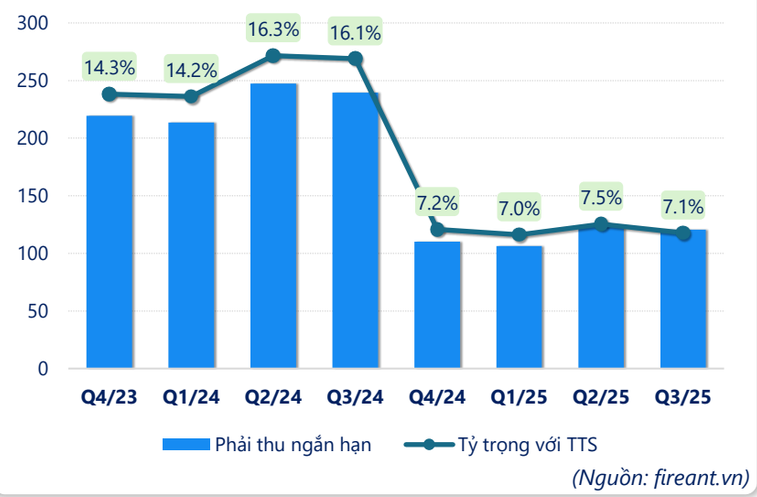
CTCP Thủy điện Thác Bà (HSX: TBC)

Tiền và tương đương tiền



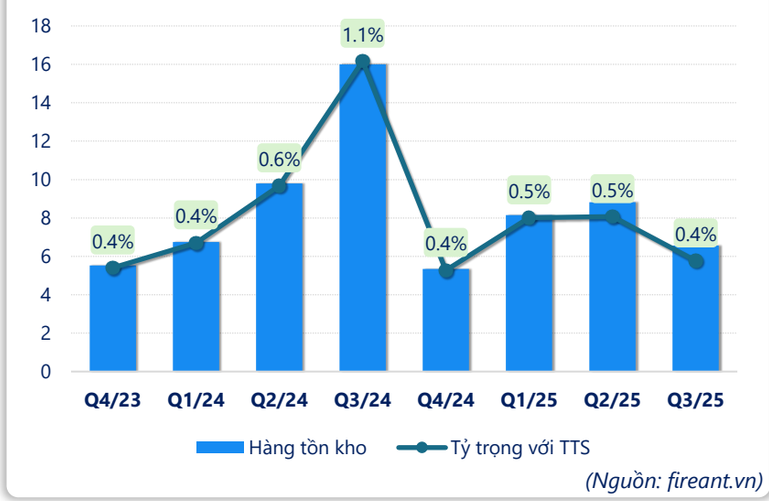
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



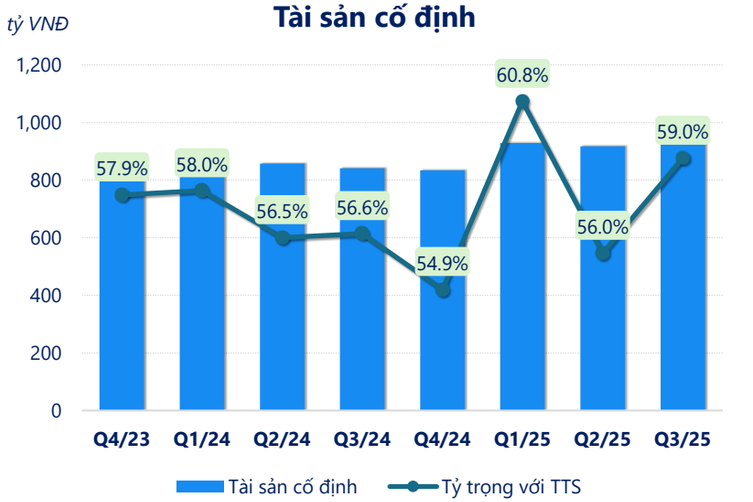
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



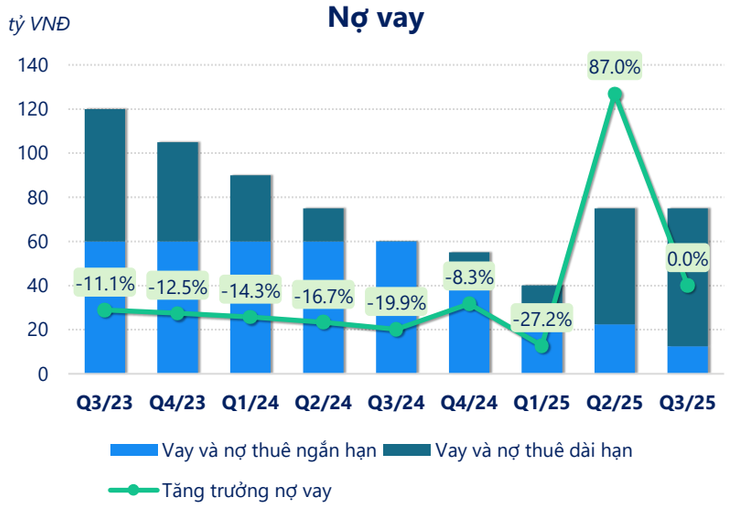
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



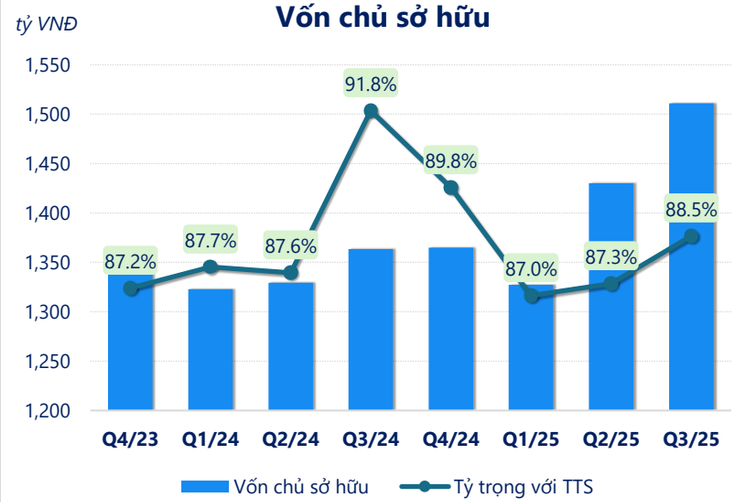
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

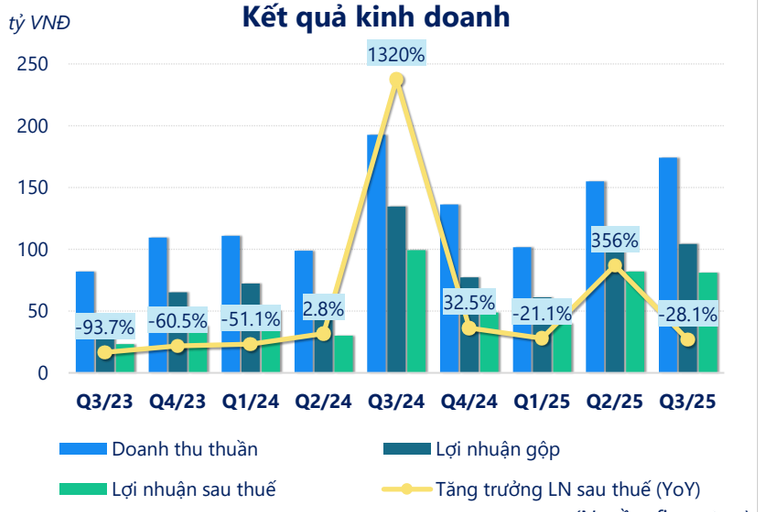


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

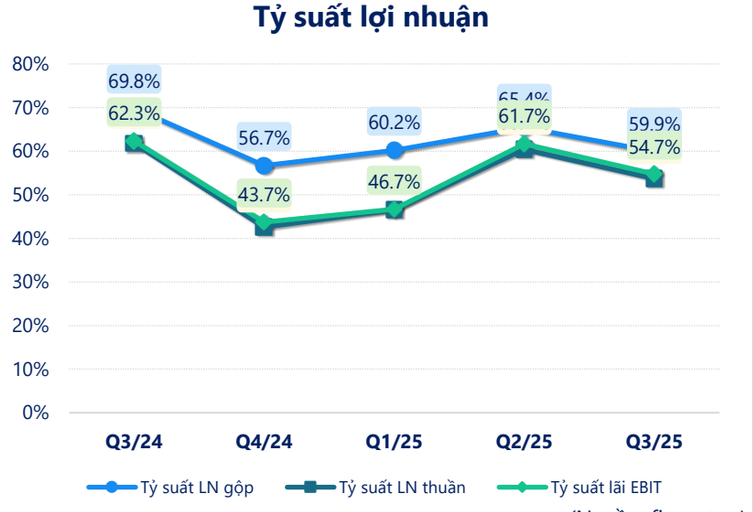
CTCP Thủy điện Thác Bà (HSX: TBC)

Kết quả kinh doanh



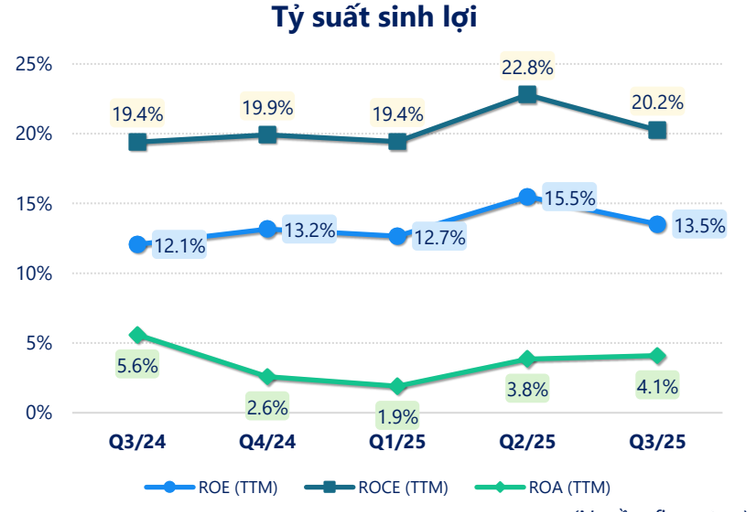
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



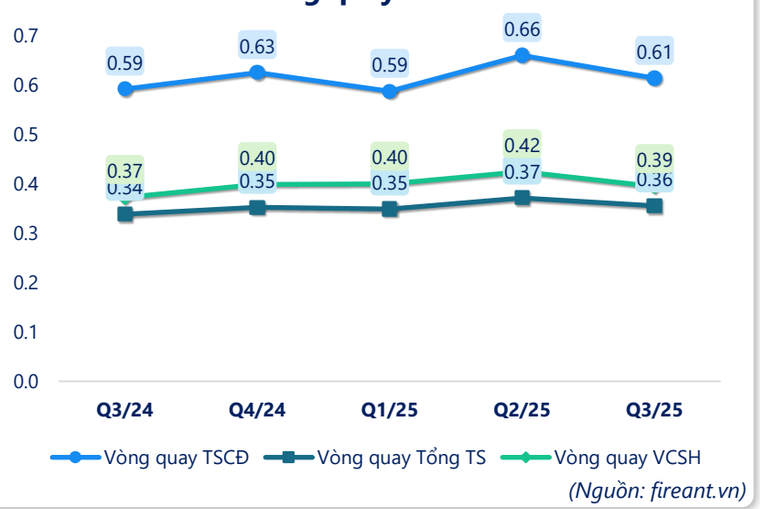
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



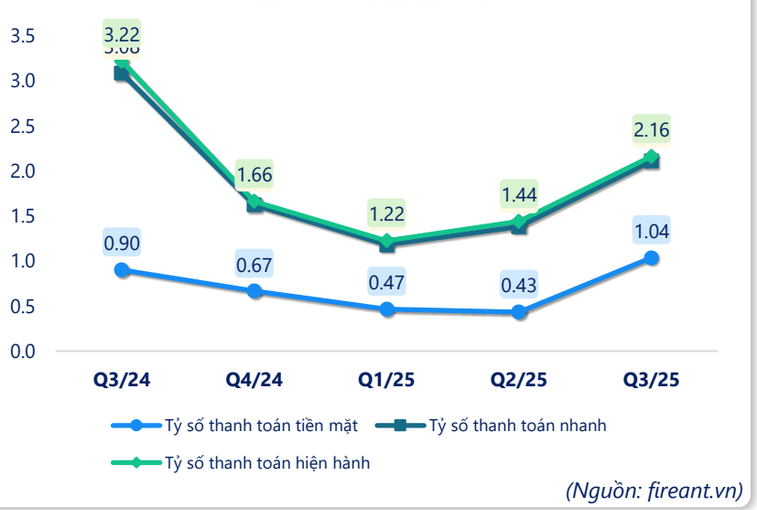
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



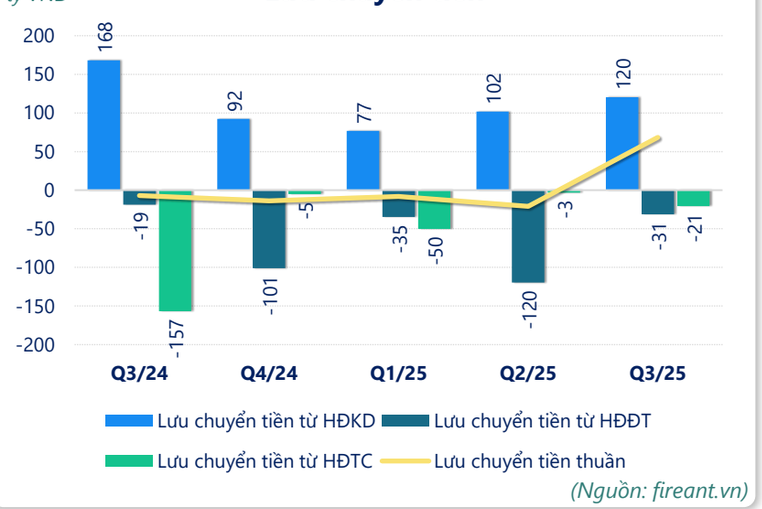
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Thủy điện Thác Bà (HSX: TBC)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,707**	**1,520**	**12.3%**
Tài sản ngắn hạn	278	235	18.0%
Tiền và tương đương tiền	133	94.3	41.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	13.7	22.0	-37.7%
Phải thu ngắn hạn	121	110	9.5%
Hàng tồn kho	6.56	5.34	22.8%
Tài sản ngắn hạn khác	3.70	3.75	-1.4%
Tài sản dài hạn	**1,429**	**1,284**	**11.2%**
Phải thu dài hạn	60.5	10.0	505%
Tài sản cố định	1,007	834	20.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	122	198	-38.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	167	160	4.4%
Tài sản dài hạn khác	**4.78**	**3.30**	**44.9%**
Lợi thế thương mại	66.9	79.2	-15.5%
Nợ phải trả	195	155	26.1%
Nợ ngắn hạn	**129**	**142**	**-9.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	12.5	45.4	-72.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	27.1	27.0	0.2%
Nợ dài hạn	66.8	13.2	407%
Vay và nợ thuê dài hạn	62.5	9.68	546%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,511**	**1,365**	**10.7%**
Vốn chủ sở hữu	**1,511**	**1,365**	**10.7%**
Vốn điều lệ	635	635	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	193	136	102	155	174
Giá vốn hàng bán	58.2	59.0	40.5	53.6	69.8
Lợi nhuận gộp	135	77.3	61.2	101	104
Doanh thu HĐTC	1.31	4.11	1.28	1.78	2.41
Chi phí TC	1.17	0.91	0.56	2.69	0.05
Chi phí lãi vay	0.97	0.91	0.56	0.34	-0.08
LN trong công ty LKLD	-0.21	-0.99	-0.93	6.09	1.83
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	15.4	21.5	13.6	13.1	15.0
LN thuần từ HĐKD	119	58.0	47.4	93.6	93.5
Lợi nhuận khác	0.07	0.67	-0.48	1.71	1.85
LN trước thuế	119	58.7	46.9	95.3	95.3
Lợi nhuận sau thuế	99.3	48.8	40.0	82.0	81.1
LNST của CĐ cty mẹ	84.6	39.5	28.9	60.7	65.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	168	92.3	76.8	102	120
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-18.7	-101	-34.8	-120	-31.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-157	-5.25	-50.4	-3.21	-20.7
Tiền đầu kỳ	115	108	94.3	86.0	65.0
Lưu chuyển tiền thuần	**-7.09**	**-14.0**	**-8.31**	**-21.0**	**68.3**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	108	94.3	86.0	65.0	133

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic